

Số: 21/HNGĐ- ST.

Ngày: 28/5/2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Tú Anh

Bà Vũ Thị Mai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lan Chi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 683/2018/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐ-HPT ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T - sinh năm 1967

ĐKHKT: Số A, phường B, quận H, Hà Nội.

Trú tại: Số C, quận H, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H - sinh năm: 1970

ĐKHKT: phường K, quận D, Hà Nội.

Trú tại: phố P, phường P, quận D, Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2018 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:

***Về quan hệ hôn nhân:** ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Xuân H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/2/2003 tại Ủy ban nhân dân

ph- ờng phường B, quận H, Hà Nội.. Sau khi c- ối, ông T, bà H chung sống tại địa chỉ số T, phường B, quận H, Hà Nội. Đến ngày 14/2/2004, vợ chồng ông bà chuyển đến sống tại địa chỉ số A, phường K, quận D, Hà Nội. Ngày 30/4/2014, bà H chuyển đến ở tại số P, phường P, quận D, Hà Nội. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Ông T trình bày, quá trình vợ chồng ông bà chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày, đồng thời hai vợ chồng không sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông T đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân H.

* **Con chung:** ông T, bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003 hiện nay cháu M đang ở với bà H. Ly hôn, ông T đồng ý để bà H nuôi dưỡng cháu M. Ông T tự nguyện cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

* **Tài sản chung (Động sản và bất động sản):** Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

* **Về nợ:** ông T, bà H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Ngoài ra ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

* **Về tình cảm:** bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 27/2/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội. Bà H xác nhận bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

* **Về con chung:** bà Nguyễn Thị Xuân H xác nhận ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Bà khai cháu M bị khuyết tật (thần kinh, tâm thần) nên bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M sau khi vợ chồng bà ly hôn. Bà đề nghị ông T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật cho đến suốt đời do cháu M không có khả năng học tập, lao động.

* **Về tài sản chung:** bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

* **Về nợ:** bà H, ông T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo giao nộp chứng cứ; Thông

báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Xuân H nhưng bà H không đến Tòa vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- **Tại phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân H; về con chung: ông T và bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Hiện nay cháu M đang ở với bà H. Ly hôn, ông T đồng ý để bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Ông T tự nguyện cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: ông T, bà H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của pháp luật; có vi phạm về thời hạn xét xử.

Về nội dung:

Căn cứ: - Điều 51, điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 272; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức T đối với bà Nguyễn Thị Xuân H (ông T được ly hôn với bà H);

2.**Con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Hàng tháng ông T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 5/2019 cho đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết hoặc khi có một quyết định pháp luật khác thay thế.

Ông T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh Tùng và bà H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Ông T và bà H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Xuân H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường vắng mặt bà H.

[2]. Về nội dung:

***Về quan hệ hôn nhân:** ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Xuân H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/2/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội. Sau khi c-ới, ông T, bà H chung sống tại địa chỉ số T, phường B, quận H, Hà Nội. Đến ngày 14/2/2004, vợ chồng ông bà chuyển đến sống tại địa chỉ số A, phường K, quận D, Hà Nội. Ngày 30/4/2014, bà H chuyển đến ở tại số P, phường P, quận D, Hà Nội. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Ông T trình bày, quá trình vợ chồng ông bà chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày, đồng thời hai vợ chồng không sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông T đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân H. Bà H cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Xét mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà H đã căng thẳng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T và xử cho ông T đ-ợc ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

***Về con chung:** ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Xuân H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Bà H khai cháu M bị khuyết tật (thần kinh, tâm thần) nên bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M sau khi vợ chồng bà ly hôn và bà đề nghị ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu M cho đến khi

cháu qua đời vì cháu không có khả năng học tập, lao động. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông T, bà H phải giao nộp các chứng cứ chứng minh việc cháu Nguyễn Đức M bị hạn chế năng lực hành vi. Ông T đã nộp cho Tòa giấy xác nhận cháu M bị khuyết tật thần kinh – tâm thần.

Giao con khuyết tật, chưa thành niên cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào việc đảm bảo sức khỏe và quyền lợi mọi mặt của con. Xét thấy bà H từ trước đến nay vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy cháu M. Vì vậy giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Cháu M là người không có khả năng lao động, không có khả năng tự mình phục vụ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Việc cấp dưỡng phải đảm bảo cho cháu cuộc sống ổn định, do vậy ngoài việc chăm sóc, nuôi dưỡng của bà H, hàng tháng ông T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết. Ông T tự nguyện cấp dưỡng phí tổn nuôi cháu M là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 6/2019 đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết hoặc khi có một quyết định pháp luật khác thay thế.

Ông T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

***Về tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Ông T và bà H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc Dân sự khác.

***Về nợ:** Ông T và bà H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ

[3].Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51, điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 272; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức T đối với bà Nguyễn Thị Xuân H (ông T được ly hôn với bà H).

2. **Con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức M (nam), sinh ngày 03/10/2003. Hàng tháng ông T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 5/2019 cho đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết hoặc khi có một quyết định pháp luật khác thay thế.

Ông T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. **Về tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Ông T và bà H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng vụ việc Dân sự khác.

4. **Về nợ:** Ông T và bà H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

5. **Về án phí:** Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung (ông T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007492 ngày 27/7/2018 tại chi cục án dân sự quận Đống Đa, còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng phí tổn nuôi con).

☐ n xử công khai sơ thẩm có mặt ông T; vắng mặt bà H. Ông T đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bà H đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;

- VKSND quận Đống Đa;

-Thị hành án quận Đống Đa;

- UBND Phường Bùi Thị Xuân, quận

Hai Bà Trưng, Hà Nội;

- Đương sự;

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Vân